

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

Tên doanh nghiệp	:	CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP (“Công ty”)
Mã chứng khoán	:	GKM
Địa chỉ trụ sở chính	:	KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, T.P Phú Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0700510750 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 23/09/2010, thay đổi lần thứ 09 ngày 08/08/2023.
Thời gian họp	:	08 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 10 năm 2023.
Địa điểm họp	:	Tòa nhà số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI, TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự Đại hội

- Cổ đông: Tất cả cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 07/09/2023. (Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) bất thường năm 2023 đính kèm Biên bản họp).
- Chủ tịch HĐQT: Đặng Việt Lê.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ nhân viên của Công ty.

2. Tính hợp lệ của Đại hội

Bà Đinh Thị Thu Hà - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công Ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 07/09/2023 là 348 cổ đông tương đương 31.434.237 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với 31.434.237 phiếu biểu quyết, đại diện 100% tổng phiếu có quyền biểu quyết.

- Tính đến 9 giờ 00 phút, tổng số cổ đông có mặt trực tiếp dự họp và ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên là: 03 Cổ đông, đại diện cho: 30.916.188 Cổ phần, tương ứng với 30.916.188 phiếu biểu quyết, chiếm 98,35% Tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số cổ đông tham dự chính thức và ủy quyền đủ tư cách tham dự kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 của Công ty và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự đảm bảo cho ĐHĐCĐ tiến hành một cách hợp lệ.

B. NỘI DUNG HỌP CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2023

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe Ông Đặng Việt Lê - thay mặt Ban Tổ chức phát biểu khai mạc Đại hội.

II. ĐẠI HỘI THÔNG QUA NHÂN SỰ ĐOÀN CHỦ TỊCH, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

1. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm có:

- Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa Đại hội;
- Ông Nguyễn Việt Hà – Tổng Giám đốc - Thành viên Đoàn chủ tịch;

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

2. Thư ký:

Chủ tọa đã cử Bà Nguyễn Minh Đức là Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty.

3. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử:

- Bà Nguyễn Thị Duyên - Trưởng ban
- Bà Phạm Thị Hồng - Thành viên.

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe Ông Đặng Việt Lê – Chủ tọa Đại hội - trình bày nội dung chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội trình ĐHQĐ thông qua.

Nội dung của Đại hội gồm có:

1. Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company (có Tờ trình đính kèm);
2. Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý (có Tờ trình đính kèm);
3. Thông qua đổi tên Công ty (có Tờ trình đính kèm);
4. Thông qua thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (có Tờ trình đính kèm);
5. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (có Tờ trình đính kèm);

6. Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (có Tờ trình đính kèm);
7. Thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh (có Tờ trình đính kèm);
8. Thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con (có Tờ trình đính kèm);
9. Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (có Tờ trình đính kèm);
10. Thông qua Ủy quyền HĐQT phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (có Tờ trình đính kèm);
11. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 (có Tờ trình đính kèm);
12. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (có Tờ trình đính kèm);
13. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (có Tờ trình đính kèm);
14. Thông qua giải thể Ban kiểm soát (có Tờ trình đính kèm);
15. Thông qua việc miễn nhiệm HĐQT đương nhiệm (có Tờ trình đính kèm);
16. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (có Tờ trình đính kèm);
17. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (có Tờ trình đính kèm).

❖ **Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình họp:**

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

❖ **Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của ĐHCĐ bất thường năm 2023:**

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

IV. CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe ông Ông Đặng Việt Lê – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trình bày các nội dung:

- Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company (Tờ trình số 01/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);
- Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý (Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM)

- Thông qua đổi tên Công ty (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)
- Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Điều lệ đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Các Quy chế đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)
- Thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh (Tờ trình số 03/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con (Tờ trình số 04/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Tờ trình số 05/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua Ủy quyền HĐQT phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT (Tờ trình số 06/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 (Tờ trình số 07/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua giải thể Ban kiểm soát (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua việc miễn nhiệm HĐQT đương nhiệm (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM).
- Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 (Quy chế đính kèm tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);
- Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 (Tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM).

V. PHÂN BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2023 - 2028

1. Đại hội đã nghe ông Ông Đặng Việt Lê – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội trình bày - Tờ trình danh sách bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Ông Đặng Việt Lê trình bày: Hội đồng quản trị CTCP Khang Minh Group đã thông báo tới các cổ đông về việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

Kết thúc thời hạn quy định, HĐQT đã nhận được 05 hồ sơ đề cử thành viên HĐQT gửi tới Công ty, hồ sơ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo Thông báo đề cử ứng cử, Danh sách ứng viên như sau:

1. Danh sách ứng viên HĐQT:

- Ứng viên số 01 – Ông Nguyễn Công Duy
- Ứng viên số 02 – Ông Đỗ Minh Đức
- Ứng viên số 03 – Ông Nguyễn Hữu Phú
- Ứng viên số 04 – Ông Đặng Việt Lê
- Ứng viên số 05 – Ông Hoàng Văn Hải

Tại Đại hội không có cổ đông/nhóm cổ đông nào đề cử thêm ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung sau:

2.1 Thông qua nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Công Ty là 05 năm (2023 - 2028);

❖ **Đại hội biểu quyết thông qua nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Công Ty là 05 năm (2023 – 2028)**

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

2.2 Thông qua số lượng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 05 thành viên

❖ **Đại hội biểu quyết thông qua số lượng thành viên HĐQT Công Ty là 05 thành viên**

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

2.3 Thông qua danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028.

❖ **Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028**

- Ứng viên số 01 – Ông Nguyễn Công Duy
- Ứng viên số 02 – Ông Đỗ Minh Đức
- Ứng viên số 03 – Ông Nguyễn Hữu Phú
- Ứng viên số 04 – Ông Đặng Việt Lê
- Ứng viên số 05 – Ông Hoàng Văn Hải

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

VI. THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

1. Phần thảo luận

Cổ đông thảo luận và thể hiện sự nhất trí cao với các nội dung được trình bày tại Đại hội.

2. Sau khi kết thúc thảo luận, Chủ tọa đề nghị Cổ đông cho ý kiến biểu quyết nội dung các tờ trình đã trình bày tại Đại hội vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào hòm phiếu.

VII. ĐẠI HỘI NGHỈ GIẢI LAO

VIII. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Sau khi kết thúc thời gian kiểm Phiếu Biểu quyết, Bà Nguyễn Thị Duyên – Trưởng Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu. Mỗi cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết
- Tổng số Phiếu phát ra là: 03 Phiếu, đại diện cho 30.916.188 phiếu biểu quyết, chiếm tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp.

Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết vào 11 giờ 00 Phút:

- Tổng số Phiếu thu về là: 03 Phiếu, đại diện cho 30.916.188 phiếu biểu quyết, chiếm tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó: - Số phiếu hợp lệ là: 03 Phiếu, đại diện cho 30.916.188 phiếu biểu quyết, chiếm tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Số Phiếu không hợp lệ là: 0 Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỉ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

❖ Kết quả kiểm Phiếu biểu quyết từng nội dung như sau:

1. **Nghị quyết 01:** Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company (Tờ trình số 01/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM)

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

2. Nghị quyết 02: Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

3. Nghị quyết 03: Thông qua đổi tên công ty (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

4. Nghị quyết 04: Thông qua thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

5. Nghị quyết 05: Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Điều lệ đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM)

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6. **Nghị quyết 06:** Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Các Quy chế đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

7. **Nghị quyết 07:** Thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 03/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

8. **Nghị quyết 08:** Thông qua qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con (Tờ trình số 04/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

9. **Nghị quyết 09:** Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Tờ trình số 05/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

10. Nghị quyết 10: Thông qua Ủy quyền HĐQT phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (Tờ trình số 06/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

11. Nghị quyết 11: Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 (Tờ trình số 07/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

12. Nghị quyết 12: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- 13. Nghị quyết 13:** Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- 14. Nghị quyết 14:** Thông qua việc giải thể Ban kiểm soát (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- 15. Nghị quyết 15:** Thông qua việc miễn nhiệm HĐQT đương nhiệm (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

- 16. Nghị quyết 16:** Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới 2023 - 2028 (Quy chế đính kèm Tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

17. Nghị quyết 17: Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu cử vào Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới 2023 – 2028 (Tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM);

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức cổ đông điền vào Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

Kết quả Nội dung họp được thông qua như sau:

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, ĐHCĐ bất thường năm 2023 của Công ty đã được biểu quyết thông nhất:

1. Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company (Tờ trình số 01/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
2. Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
3. Thông qua đổi tên Công ty (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
4. Thông qua thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
5. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Điều lệ đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
6. Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Các Quy chế đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;

7. Thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh (Tờ trình số 03/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
8. Thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con (Tờ trình số 04/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
9. Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Tờ trình số 05/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
10. Thông qua Ủy quyền HĐQT phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT (Tờ trình số 06/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
11. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 (Tờ trình số 07/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
12. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
13. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
14. Thông qua việc giải thể Ban kiểm soát (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
15. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị đương nhiệm (Tờ trình số 09/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
16. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Quy chế đính kèm tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
17. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu cử vào Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới 2023 – 2028 (Tờ trình số 10/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM) với tỉ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

IX. KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Bà Nguyễn Thị Duyên - Trưởng Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2023– 2028 như sau:

Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Kết quả
Thành viên Hội đồng quản trị				
1	Đặng Việt Lê	33.323.776	107,79%	Trúng cử
2	Nguyễn Hữu Phú	31.064.291	100,48%	Trúng cử
3	Nguyễn Công Duy	30.064.291	97,24%	Trúng cử
4	Hoàng Văn Hải	30.064.291	97,24%	Trúng cử
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập				
5	Đỗ Minh Đức	30.064.291	97,24%	Trúng cử

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2023 - 2028:

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ Biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

X. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Minh Đức - Thư ký đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Tán thành: 30.916.188 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không Tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu Không có ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Đặng Việt Lê - Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Khang Minh Group kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Minh Đức

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đặng Việt Lê

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường (ĐHĐCĐ BT) năm 2023 đã được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Khang Minh Group ("Công ty") thông qua ngày 06/10/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty ngày 06/10/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company (Tờ trình số 01/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 2. Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý (Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 3. Thông qua đổi tên Công ty (Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 4. Thông qua thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 5. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Điều lệ đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 6. Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (các Quy chế đính kèm Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM)

Điều 7. Thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh (Tờ trình số 03/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 8. Thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con (Tờ trình số 04/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);

Điều 9. Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Tờ trình số 05/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM);



Điều 10. Thông qua Ủy quyền HĐQT phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (Tờ trình số 06/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Điều 11. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 (Tờ trình số 07/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM)

Điều 12. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Điều 13. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Nội dung Phương án đính kèm Tờ trình số 08/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM);

Điều 14. Thông qua việc giải thể Ban kiểm soát (Tờ trình số 09/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM).

Điều 15. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị đương nhiệm (Tờ trình số 09/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM).

Điều 16. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Quy chế đính kèm tờ trình số 10/2023/TTr-ĐHCĐBT/GKM)

Điều 17. Thông qua Kết quả bầu cử vào Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới 2023 – 2028

Kết quả bầu cử như sau:

Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 (danh sách trúng cử vào Hội đồng Quản trị được xếp theo kết quả bầu cử từ cao xuống thấp):

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Kết quả
Thành viên Hội đồng quản trị				
1	Đặng Việt Lê	33.323.776	107,79%	Trúng cử
2	Nguyễn Hữu Phú	31.064.291	100,48%	Trúng cử
3	Nguyễn Công Duy	30.064.291	97,24%	Trúng cử
4	Hoàng Văn Hải	30.064.291	97,24%	Trúng cử
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập				
5	Đỗ Minh Đức	30.064.291	97,24%	Trúng cử

Điều 18. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/10/2023.

Thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- HĐQT, Ban Điều hành;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



ĐẶNG VIỆT LÊ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Điều 2. Nội dung quy định

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông/ đại diện cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Mục tiêu đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông, Công ty sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Điều kiện tham dự

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

PHẦN II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông được ủy quyền khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”); mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự ĐHĐCĐ bất thường (“ĐHĐCĐ BT”) được, nếu muốn ủy quyền thì có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu đề xuất của Công ty cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
3. Khi đến dự, Quý cổ đông vui lòng mang theo bản gốc giấy tờ pháp lý của cá nhân (là một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác), Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) của cá nhân hoặc tổ chức, Thư mời họp và toàn bộ các tài liệu gửi theo Thư mời họp.



4. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình hợp lệ.
5. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận những văn bản trên.
6. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.
7. Ban Tổ chức Đại hội sẽ công bố công khai chương trình Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết tùy theo từng vấn đề.
8. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
9. Cổ đông và người đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông được phát 01 Phiếu biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình (sau đây gọi tắt là "Phiếu biểu quyết"), 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu bầu cử trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ và những thông tin liên quan đến việc biểu quyết và/hoặc bầu cử. Thẻ biểu quyết còn được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề tại đại hội;
10. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.
11. Các cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông cho đến khi chủ tọa tuyên bố kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông rời cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc vì bất cứ lý do gì thì cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Kiểm phiếu để thông báo ý kiến của cổ đông về các vấn đề được biểu quyết tại đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc mà không thông báo thì số phiếu biểu quyết của cổ đông sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết của Đại hội tính từ thời điểm cổ đông rời cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban kiểm phiếu

1. Ban tổ chức Đại hội do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định thành lập. Ban tổ chức Đại hội có thể lập các Ban để hỗ trợ trong quá trình tổ chức Đại hội.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện công tác kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình, tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối quyền dự họp của người đó, kiến nghị việc từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bất thường biểu quyết thông qua tại cuộc họp. Ban kiểm phiếu có ba (03) thành viên không phải là các ứng viên vào thành viên HĐQT, do Chủ tọa đề xuất và được ĐHĐCĐ bất thường chấp thuận.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm đếm Thẻ biểu quyết trong quá trình lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông, kiểm Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và giám sát chung trong suốt quá trình diễn ra ĐHĐCĐ bất thường.

Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu Biểu quyết, Phiếu Bầu cử;
- Thu lại Thẻ biểu quyết sau khi kết thúc Đại hội.
- Kiểm đếm số Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không Tán thành, Không có ý kiến và báo cáo kết quả biểu quyết để Chủ tọa công bố trước Đại hội.
- Kiểm đếm số Phiếu bầu cử cho các ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 7. Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tọa có quyền cử người hỗ trợ công tác điều hành đại hội, quyền và nghĩa vụ của người hỗ trợ sẽ do Chủ tọa quyết định bằng văn bản và được công khai tại Đại hội.
3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cuối cùng.
4. Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
5. Chủ tọa có quyền trì hoãn đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
6. Thư ký Đại hội do Chủ tọa cử. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

PHẦN III. TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ngay sau khi hoàn thành các thủ tục để buổi họp được diễn ra hợp lệ.
2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận trước khi biểu quyết thông qua các vấn đề trong nội dung trên.

Việc thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 10. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại ĐHĐCD bất thường năm 2023 phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
- Phải giơ Thẻ biểu quyết xin ý kiến của Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
- Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.

2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến những vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 11. Biểu quyết và thông qua Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCD bất thường

1. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group bằng hình thức sử dụng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết đã được in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Khang Minh Group được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết, có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để biểu quyết các vấn đề xin ý kiến biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết tại đại hội.

Ngoài các vấn đề xin ý kiến biểu quyết trực tiếp bằng cách giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội, đối với các nội dung Báo cáo và Tờ trình, Cổ đông biểu quyết bằng hình thức lựa chọn các nội dung biểu quyết (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) vào Phiếu biểu quyết, ký xác nhận và nộp lại cho Ban kiểm phiếu.

b. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCD, Chủ tọa Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất : Biểu quyết Tán thành.
- Lần thứ hai : Biểu quyết Không tán thành.
- Lần thứ ba : Biểu quyết Không có ý kiến.

Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

✓ Đối với việc biểu quyết trực tiếp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả 03 lần Chủ tọa hỏi ý kiến về nội dung đó (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) được xem là Tán thành đối với nội dung đó.

✓ Đối với việc biểu quyết nội dung các Báo cáo, Tờ trình bằng cách lựa chọn nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết: Các cổ đông tích lựa chọn đánh dấu "v" hoặc "x" vào ô thích hợp trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:

+ Là Phiếu biểu quyết do Ban Kiểm phiếu biểu quyết Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;

+ Phiếu biểu quyết không bị rách;

+ Nội dung biểu quyết không bị tẩy xóa, cạo, sửa;

+ Nội dung biểu quyết hợp lệ là nội dung được Cổ đông lựa chọn cụ thể 1 trong 3 ô: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

+ Trong trường hợp Cổ đông không đánh dấu vào bất kỳ ô nào trong 3 ô tại một nội dung biểu quyết được coi là tán thành và hợp lệ với nội dung biểu quyết đó.

- Phiếu biểu quyết và nội dung biểu quyết được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Phiếu biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Công ty Cổ phần Khang Minh Group

+ Phiếu biểu quyết bị rách, tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trên Phiếu;

+ Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

+ Cổ đông đánh dấu từ 2 ô trở lên đối với cùng một nội dung biểu quyết hoặc phiếu tẩy xóa dẫn tới không rõ nội dung lựa chọn thì được coi là không hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó.

+ Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Tổ chức sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.

2. Những vấn đề sau được Đại hội thông qua khi có ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp thông qua:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty;

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023

Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội. Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lưu giữ tại Trụ sở Công ty theo quy định.

PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 phần và 13 điều khoản, được ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Khang Minh Group thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực ngay khi được thông qua để tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Khang Minh Group.
2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Đặng Việt Lê

Số : 01/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Holdings Company

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khang Minh Group

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khang Minh Group ("Công ty");
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. Thực trạng của mô hình Công ty hiện tại

Trải qua hơn 13 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Khang Minh Group không ngừng tăng trưởng về quy mô doanh thu, thị phần, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản. Công ty đã khẳng định được vị thế trong lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất kinh doanh gạch không nung, đá ốp lát cao cấp, đá ốp lát thạch anh đồng thời mở rộng mặt hàng kinh doanh sang nhóm nhôm thanh định hình và các sản phẩm ứng dụng nhằm xây dựng "hệ sinh thái nguyên vật liệu xây dựng". Bên cạnh đó, công ty đã mở rộng về cả quy mô vốn và ngành nghề hoạt động kinh doanh, thực hiện đầu tư góp vốn vào các công ty hoạt động trong các lĩnh vực hoạt động có tiềm năng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty tại các công ty con, mang năng lượng, thị trường Bất động sản nhà ở và du lịch cao cấp.

Với tiềm lực phát triển của công ty và nhu cầu của thị trường, mô hình hoạt động hiện tại của Công ty là mô hình Công ty mẹ - Công ty con chưa tận dụng tối đa nhân lực, nguồn vốn cũng như chưa phát huy hết tính linh hoạt, chủ động nhằm tạo hiệu quả cao hơn trong việc nâng cao năng lực hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

2. Lợi ích của việc tái cấu trúc theo mô hình Holdings Company

Việc chuyển đổi mô hình Holdings Company và điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh trong đó hoạt động cốt lõi là đầu tư tái chính nhằm mục đích nâng cao năng lực quản lý vốn, chuyên môn hóa hoạt động thương mại và tăng tính chuyên nghiệp của các công ty thành viên trong từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Từ đó, làm cơ sở để tăng cường vị thế Công ty là một tập đoàn tư nhân đầu tư và quản lý vốn.



3. Kế hoạch phát triển giai đoạn 2023 – 2028

Trong báo cáo cập nhật triển vọng ngành nông nghiệp vừa công bố, năm 2023 được kỳ vọng là một năm thuận lợi cho ngành lúa gạo nhờ giá gạo tăng do Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo. Điều kiện thời tiết không thuận lợi tại các thị trường xuất khẩu gạo chính của Việt Nam như Philippines, Ấn Độ, Trung Quốc, Bangladesh đều đang chịu hậu quả của điều kiện thời tiết thiên tai, dẫn tới sản lượng gạo tại các nước này dự báo sẽ giảm, trong khi nhu cầu tiêu thụ đang tăng lên. Trong bối cảnh nguồn cung giảm trong khi nhu cầu ổn định, gạo thế giới và gạo xuất khẩu Việt Nam sẽ còn tiềm năng tăng giá trong 2023. Từ bối cảnh thị trường và năng lực của Công ty, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh mở rộng sang lĩnh vực thương mại nông sản, cụ thể trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển 2023 – 2028, hoạt động thương mại gạo sẽ được chú trọng.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, chiến lược thận trọng, linh hoạt sẽ tạo thuận lợi cho quá trình hợp tác với các đối tác, khách hàng, đồng thời đảm bảo tính độc lập của đội ngũ các công ty thành viên, qua đó hoàn thiện bộ máy, phát huy tối đa nguồn lực, nắm bắt cơ hội và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2023 – 2028. Với định hướng phát triển mới, lấy đầu tư tài chính làm hoạt động cốt lõi, đẩy mạnh vai trò hoạt động trong lĩnh vực thương mại vật liệu xây dựng và nông sản, kế hoạch phát triển được chia làm hai giai đoạn chính như sau:

- Giai đoạn 1: Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại đồng thời đẩy mạnh hoạt động thương mại vật liệu xây dựng và thương mại nông sản.
- Giai đoạn 2: Hoạt động đầu tư tài chính làm trọng tâm. Tiếp tục phát triển thương mại và trực tiếp đầu tư tài chính vào các công ty, nhà máy sản xuất trong ngành vật liệu xây dựng và thương mại gạo.

Để định hướng thương hiệu, tạo thuận lợi cho quá trình kết nối với các đối tác, khách hàng, mở rộng phạm vi hoạt động bao gồm cả thị trường trong nước, quốc tế khi giao dịch và kinh doanh, phù hợp với chiến lược phát triển mới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tái cấu trúc Công ty theo mô hình Tập đoàn (Holdings Company) với mục đích tối đa hóa giá trị lợi ích của cổ đông và Công ty, và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh, bổ sung một số lĩnh vực hoạt động cốt lõi, xây dựng phương án bao gồm quyết định lĩnh vực đầu tư, thời gian, hình thức phù hợp để triển khai và sẽ báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp gần nhất sau khi hoàn thành.


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Nơi nhận:

- Như Kinh trình;
- Lưu HC;

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Đặng Việt Lê



PHỤ LỤC 01: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

(Đính kèm tờ trình số 02/2023/TT-DHCBTK/GKM ngày 06/10/2023 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty)

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Mục II Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	<p>1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 12 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và</p>	<p>1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:</p> <p>a) Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:</p> <ul style="list-style-type: none">- Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);- Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;- Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. <p>b) Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị;- Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:	Căn cứ kế hoạch phát triển của Công ty giai đoạn 2023 - 2028; Căn cứ Luật Doanh Nghiệp năm 2020

	<p>nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>+ Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị. + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.</p>	
<p>Mục II</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Khang Minh Group Joint Stock Company</p> <p>- Tên Công ty viết tắt: GKM</p>	<p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GKM Holdings Joint Stock Company</p> <p>- Tên Công ty viết tắt: GKM Holdings</p>	<p>Theo Trình đời công ty</p>
<p>Mục III.</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	<p>3. Nguyên tắc hoạt động của Công ty:</p> <p>...</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty;</p>	<p>3. Nguyên tắc hoạt động của Công ty:</p> <p>...</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy</p>

		ban kiểm toán (Luật Doanh Nghệp năm 2020; Thông tư số 116/2020/TT- BTC)
		Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ủy ban kiểm toán; 4. Tổng Giám đốc.	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ủy ban kiểm toán; 4. Tổng Giám đốc.	Sửa đổi phù hợp theo điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghệp 2020
4	Mục V. Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghệp 2020; Thông tư 116)
5	Mục VI. Điều 12. Quyền của cổ đông	Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghệp 2020; Thông tư 116)

<p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	
<p>c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử</p>	

		<p>quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	
5	<p>Mục VI. Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; ... đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; ...</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; ... (bỏ nội dung điểm b) ...</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>

	<p>này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>...</p>	<p>quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>...</p>	
--	---	---	--

6	<p>Mục VI Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: ... c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; ... h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; ... k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: ... c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: ... c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; ... h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; ... k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; ... 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: ... c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>
---	---	--	---	--

		<p>đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>...</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>...</p>	<p>khóa;</p> <p>đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>đ) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán;</p> <p>...</p>	
7	<p>Mục VI.</p> <p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>....</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>....</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức</p>

	<p>mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>...</p>		
8	<p>Mục VI. Điều 20. Thẻ thực hiện hành hợp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>...</p>	<p>trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>
9	<p>Mục VI. Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>...</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>...</p>	

	đồng			
10	Mục VII. Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>...</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhận được đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>...(bỏ)</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>
11	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>...</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên</p>	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác</p>	

	Ban kiểm soát; ...	cho thành viên Hội đồng quản; ...	
12	<p>Chương IX.</p> <p>IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua để cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức để cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của</p>	<p>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm soát</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>

	<p>Công ty:</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một</p>	<p>toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội</p>	
--	---	---	--

	<p>trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.</p>	<p>đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</p> <p>5. Lập báo cáo hàng năm ban gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định hàng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán</p>	
--	--	---	--

	<p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một</p>	<p>Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng</p>	
--	--	--	--

	<p>năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm</p>	<p>quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p>	
--	--	---	--

	<p>soát được tình vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	
<p>13</p> <p>Chương X. Trách nhiệm của thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc và người điều hành khác</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những 	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu 	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>

	<p>người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>...</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong</p>	<p>trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>...</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như</p>	
--	---	---	--

	<p>vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p>mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>...</p>	
--	---	---	--

	...		
	<p>Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế</p>	<p>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh Nghiệp 2020; Thông tư 116)</p>
14	<p>Chương XI</p> <p>Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ công ty</p>		

		toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. ...	toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. ...	
15	Chương XIX. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: ... b) b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; ...	Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: ... b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; ...	Sửa đổi và bổ sung phù hợp theo mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban kiểm toán (Luật Doanh nghiệp 2020; Thông tư 116)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS



KHANGMINH®

Hà Nam, tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	30
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	31
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	31
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	31
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	32
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 47. Năm tài chính.....	36
Điều 48. Chế độ kế toán.....	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	36
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37

Điều 51. Kiểm toán	37
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	37
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	37
Điều 53. Giải thể công ty	37
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 55. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 57. Điều lệ công ty	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	39

PHÂN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 02/NQ-ĐHĐCĐBT/KM-2023 ngày 06 tháng 10 năm 2023

L ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **GKM Holdings Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **GKM Holdings**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- Điện thoại: 024 32002988
- Fax: 024 22207181
- Email: info@khangminhgroup.com
- Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Thông tin các chi nhánh, văn phòng đại diện hiện tại của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1 Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

- a) Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:
 - Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);

- Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
 - Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- b) Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:
- Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:
 - + Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 12 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định cho người lao động; Đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

3. Nguyên tắc hoạt động của Công ty:

- Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và tuân thủ Pháp luật;
- Kinh doanh trung thực, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty;
- Điều hành hoạt động Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **314.342.370.000** đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **31.434.237** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử

thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

đ) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- đ) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

i) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán;

s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày

trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (đối với hình thức họp trực tiếp) hoặc từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi và bổ sung điều lệ.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (đối với hình thức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Nhận được đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

09. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Lâm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
 4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
 5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị

tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;- d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường

hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần GKM Holdings nhất trí thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số/NQ-ĐHĐCĐBT/KM-2023 ngày 06 tháng 10 năm 2023.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đặng Việt Lê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Hà Nam, tháng 10 năm 2023



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	5
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:.....	6
2. Lập danh sách cổ đông	6
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	6
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:.....	7
5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	7
6. Chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	9
8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:	10
9. Điều kiện tiến hành.....	10
10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	11
12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	12
13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	12
14. Cách thức kiểm phiếu	13
15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	14
16. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	14
17. Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ	15
18. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ.....	15
19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	16
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	16
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	18
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT	20
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	20
1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	20

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:-----	20
3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	21
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	22
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	22
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	23
7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT-----	23
8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. -----	23
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	23
Điều 10. Cuộc họp HĐQT -----	24
CHƯƠNG 4 – CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT -----	26
Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT -----	26
Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban -----	27
CHƯƠNG 5 - ỦY BAN KIỂM TOÁN -----	27
Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán -----	27
Điều 14. Thành phần Ủy ban kiểm toán -----	27
Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán -----	28
Điều 16. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán -----	29
Điều 17. Quy chế Ủy ban kiểm toán -----	29
CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----	29
Điều 18. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp -----	29
Điều 19. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	30
Điều 20. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp -----	30
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	30
Điều 22. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	30
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, UBKT VÀ TGD -----	30
Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và UBKT -----	30
1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với UBKT:-----	30
2. Trách nhiệm của UBKT trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:-----	31
Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD -----	31
Điều 25. Tiếp cận thông tin -----	32
Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa UBKT và TGD -----	32
Điều 27. Phối hợp giữa TGD và HĐQT -----	33
CHƯƠNG 8 - NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	33
Điều 28. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	33
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty -----	33
Điều 30. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	33

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	34
Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	34
CHƯƠNG 9 – ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	34
Điều 33. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên các tiểu ban thuộc HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	34
Điều 34. Khen thưởng	34
Điều 35. Kỷ luật	34
CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
Điều 36. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	35
CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 37. Ngày hiệu lực	35

Hà Nam, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần GKM Holdings

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCDBT/GKM-2023 ngày 06 tháng 10 năm 2023;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần GKM Holdings;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần GKM Holdings bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty được ban hành phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, và Tổng giám đốc.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
3. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty áp dụng cho các đối tượng như sau:
 - a) Công ty Cổ phần GKM Holdings;
 - b) Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
 - c) Thành viên HĐQT, thành viên UBKT trực thuộc HĐQT, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. "**Công ty**" là Công ty cổ phần GKM Holdings
2. "**Quản trị công ty**" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT (bao gồm cả Ủy ban kiểm toán);
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
3. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
4. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD;
5. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" là thành viên HĐQT nhưng không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
6. "**Thành viên độc lập HĐQT**" là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
7. "**Tiểu ban kiểm toán nội bộ**" (sau đây còn gọi là **Ủy ban kiểm toán**) là một tiểu ban trực thuộc HĐQT được thành lập theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
8. "**Người phụ trách quản trị công ty**" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
9. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
10. "**Ứng cử**" là tự đề cử
11. "**Đại biểu**" là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
12. "**ĐHĐCĐ**" là Đại hội đồng cổ đông
13. "**HĐQT**" là Hội đồng quản trị
14. "**UBKT**" là Ủy ban kiểm toán
15. "**TGD**" là Tổng giám đốc

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

- Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông

a) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích:

(i) Xác định các cổ đông được quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông; địa chỉ thư điện tử (nếu có).

(ii) Người phụ trách quản trị Công ty sẽ giúp cổ đông xác minh thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền xác minh tính chính xác của thông tin của chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

(iii) HĐQT có thể sửa chữa, bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông).

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

a) Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

(i) Chủ tịch HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà chưa có văn bản ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

(ii) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

(iii) Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

(iv) Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

(v) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

(vi) Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên.

(vii) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

(viii) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

b) Thư ký đại hội:

i) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

ii) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

c) Ban kiểm phiếu:

(i) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

(ii) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

d) Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

(i) Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

(ii) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

e) Các Ban khác sẽ do HĐQT quyết định, dựa trên đề xuất của Tổng Giám đốc, phù hợp với nội dung của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Dự thảo chương trình và nội dung họp

(i) Chương trình họp và nội dung cuộc họp sẽ xác định cụ thể các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và tỷ lệ thông qua các vấn đề tương ứng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

(ii) Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ xem xét tất cả các kiến nghị, chính thức hoặc không chính thức, do cổ đông đề xuất để đưa vào chương trình họp.

(iii) Việc chuẩn bị tài liệu họp để cho các thành viên HĐQT trình ĐHĐCĐ phải đảm bảo đủ thời gian cho HĐQT xem xét, quyết định và đáp ứng quy định về quy trình làm việc của HĐQT.

b) Đưa ra các quyết định sơ bộ

(i) HĐQT đưa ra các quyết định sơ bộ về những vấn đề sau đây trong việc chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

(ii) Nội dung, chương trình Đại hội đồng cổ đông:

- Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: HĐQT sẽ quyết định ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: HĐQT sẽ quyết định địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Theo đó, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ cho phép các cổ đông có thể tham dự họp, đảm bảo có đủ chỗ cho cổ đông tham dự. Số lượng cổ đông sẽ tham dự và kế hoạch cụ thể về địa điểm tổ chức họp được HĐQT dự tính trước.
- Các thủ tục liên quan đến việc thông báo cuộc họp, danh sách các tài liệu và ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách cổ đông có quyền dự họp. Ngày đăng ký cuối cùng hay ngày chốt danh sách cổ đông là ngày làm việc được HĐQT quyết định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được quyền tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

c) Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp

(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm: họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

(ii) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại tiết (i), Điểm c Khoản này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

a) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

(i) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông) về Công ty.

(ii) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại điểm b khoản 7 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật;

(iii) Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b) Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

(i) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

(ii) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

(iii) Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

(iv) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

(v) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

9. Điều kiện tiến hành

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến

hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tùy từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

a) Nguyên tắc chung

(i) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

(ii) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

b) Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

(i) Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. *Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.*

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

(ii) Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - Gạch tên các ứng cử viên;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - Không có chữ ký của đại biểu tham dự.
 - Các quy định khác theo Quy chế bầu cử ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty quy định.

12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Nguyên tắc chung

(i) ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

(ii) Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

b) Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

(i) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

(ii) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

a) Nguyên tắc chung

(i) Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

(ii) Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT.

b) Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

(i) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu; Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

(ii) Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

(iii) Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

(iv) Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

(v) Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

(vi) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều này

14. Cách thức kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc;

Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

Trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Ban Tổ chức chuẩn bị các hòm phiếu và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Tất cả các thành viên ban kiểm phiếu phải ký vào biên bản kiểm phiếu để xác nhận kết quả.

15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

(i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

(iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của công ty;

(v) Tổ chức lại, giải thể công ty.

c) Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

đ) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

e) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

17. Cách thức phân đổi quyết định của ĐHĐCĐ

a) Cổ đông biểu quyết phân đổi nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty;

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

18. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

d) Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

đ) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Phương án bầu cử (nếu có);
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c) Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

3. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm phiếu hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

(i) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp.

(ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

b) Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện như hình thức họp trực tiếp nêu ở Khoản 2 Điều 4 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông và được xác định là cổ đông hợp lệ, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền một Tài khoản truy cập để thực hiện đăng ký tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến.
- Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và mẫu khẩu xác thực một lần (mã OTP) để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty.
- Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.
- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội trực tuyến, phải cung cấp đầy đủ và bảo mật Tài khoản truy cập cũng như các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để người được ủy quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu trực tuyến các nội dung của Đại hội. Cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu trực tuyến theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

4. Điều kiện tiến hành

- a) Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.
- b) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật an toàn thông tin mạng.
 - Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang website Công ty theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.
- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.
- d) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Sau khi đóng Hệ thống bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu trực tuyến để tổng hợp kết quả biểu quyết.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Việc lập biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Khoản 18 Điều 4 Quy chế này.
- b) Biên bản được lập xong phải thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.
- b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp được công bố thông tin theo quy định.

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá 11 người.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng

quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

(ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

(iii) Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.

c) Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

(ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

(iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

(iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

(v) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

a) Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng

viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định và phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

a) Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

b) Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định đã nêu trên.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
- Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

a) HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

b) Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

c) HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

d) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại điểm c khoản này;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội

đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

a) HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi thấy cần thiết theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp ĐHDCD thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

a) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

b) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- (i) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- (ii) Ít nhất hai (02) thành viên điều hành HĐQT;
- (iii) Thành viên độc lập HĐQT;
- (iv) Các trường hợp khác (nếu có).

c) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm b, khoản này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại điểm b, khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

d) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

4. Cách thức triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Cuộc họp theo hình thức khác của HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 30 Điều lệ Công ty.

5. Biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT:

Quy định về phạm vi, trách nhiệm biểu quyết của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

a) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Lập biên bản họp HĐQT:

a) Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Các vấn đề đã được thông qua;

(ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

b) Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d) Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 4 – CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác nếu xét thấy cần thiết. Thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, có thể bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT hoặc thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách là thành viên của tiểu ban nhưng (a) Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Trừ trường hợp của Ủy ban kiểm toán được quy định cụ thể theo chương 5 dưới đây, HĐQT có thể thành lập thêm một số tiểu ban trực thuộc HĐQT phụ trách về các vấn đề như sau:

a) Tiểu ban Chiến lược phát triển;

- b) Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng;
 - c) Các tiểu ban khác nếu xét thấy cần thiết.
3. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của HĐQT.
4. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định.

Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

1. HĐQT quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được bổ nhiệm phụ trách các tiểu ban này.
2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
3. Những người bên ngoài được mời tham gia các tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được ký hợp đồng lao động, được trả lương và các khoản thù lao theo chế độ quy định, được tham gia học tập và cập nhật kiến thức.
4. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của tiểu ban.

CHƯƠNG 5 - ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 14. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên Ủy ban kiểm toán. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.
2. Ủy ban Kiểm toán phải có ít nhất một (01) thành viên độc lập HĐQT làm Chủ tịch Ủy ban. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
5. Trong nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán, nếu có thành viên Ủy ban kiểm toán từ chức hay thôi việc, HĐQT có thể cân nhắc và chỉ định một người khác để thay thế. Thành viên thay thế cũng phải hội đủ các tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định. Nhiệm kỳ của thành viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày được HĐQT chỉ định và sẽ kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của các thành viên Ủy ban kiểm toán đương nhiệm.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán

Ngoài Quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Điều lệ Công ty, UBKT có quyền và trách nhiệm như sau:

1. Quyền của Ủy ban Kiểm toán

- a) Tiếp cận và thu thập bất kỳ thông tin nào thuộc thẩm quyền của HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp có liên quan. Các thông tin và tài liệu được phép tiếp cận và thu thập được mô tả tại Điều 25 của Quy chế này. TGD có trách nhiệm thu xếp để cung cấp các tài liệu và thông tin được UBKT yêu cầu;
- b) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, TGD và các người điều hành doanh nghiệp về việc xây dựng kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, trong đó bao gồm việc phân tích tóm tắt các loại rủi ro chủ yếu (về chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính) của HĐQT và TGD để phục vụ việc lập Kế hoạch hoạt động hàng năm của UBKT;
- c) Yêu cầu cung cấp các nguồn lực cần thiết tương ứng để thực hiện Kế hoạch hoạt động hàng năm của UBKT đã được HĐQT phê duyệt và các cuộc kiểm toán bất thường hoặc bất ngờ theo yêu cầu của HĐQT;
- d) Giám sát TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác trong việc quản lý và điều hành hoạt động Công ty; được tiếp cận với các báo cáo thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng tháng của TGD để phân tích tiến độ thực hiện và chất vấn về các kết quả đạt được;
- đ) Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của Công ty, chỉ định bên thứ ba bên ngoài hoặc thuê tư vấn độc lập để điều tra về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT và TGD, nhưng phải thông báo trước đến HĐQT, TGD về việc tuyển chọn phía thứ ba bên ngoài hoặc thuê tư vấn độc lập phải phù hợp với các điều kiện cụ thể của Công ty và phù hợp với các quy luật cạnh tranh thị trường;
- e) Lựa chọn, đánh giá và kiến nghị với ĐHĐCĐ về việc bổ nhiệm công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra trước các bản đề nghị cung cấp các dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập để trình HĐQT xem xét và phê duyệt sử dụng các dịch vụ của công ty kiểm toán độc lập bảo đảm sự toàn vẹn về độc lập, khách quan của kiểm toán độc lập; giám sát quá trình công ty kiểm toán độc lập thực hiện nhiệm vụ hàng năm, bao gồm giám sát trong năm, đánh giá cuối năm và kiểm tra toàn diện định kỳ hoặc khi có thay đổi quan trọng trong cơ cấu hoạt động của Công ty và báo cáo HĐQT về kết quả giám sát công ty kiểm toán độc lập;
- g) Kiến nghị HĐQT phê duyệt các lớp đào tạo, huấn luyện chuyên môn liên tục để cung cấp cho tất cả các nhân viên KTNB theo kế hoạch hoạt động hàng năm của UBKT được HĐQT phê duyệt;
- h) Các quyền khác được cho phép bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế UBKT và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. UBKT có các trách nhiệm như sau:

- a) Báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm: Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ (hàng quý, 6 tháng và 9 tháng) và cả năm, bao gồm các công bố thông tin trong báo cáo thường niên trước khi trình HĐQT xem xét và thông qua. Trong quá trình kiểm tra báo cáo tài chính (sáu tháng và cả năm), phải phối hợp cùng với công ty kiểm toán độc lập để cùng cung cấp sự bảo đảm toàn diện về các báo cáo tài chính của Công ty;
- b) Kiểm soát nội bộ: Kiểm tra tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, bao gồm cả an ninh và kiểm soát công nghệ thông tin. Kiểm tra các khâu kiểm soát nội bộ chủ chốt làm nền tảng để lập báo cáo tài chính; làm việc với công ty kiểm toán độc lập để thu thập các báo cáo về những phát hiện quan trọng và các kiến nghị cùng với những hỏi đáp của TGD và các người điều hành khác có liên quan;

c) Kiểm toán nội bộ: Lập “Kế hoạch hoạt động của chức năng KTNB hàng năm” căn cứ vào kế hoạch chiến lược và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc phân tích tóm tắt các loại rủi ro chủ yếu của HĐQT và TGD để trình HĐQT xem xét và phê duyệt. Thực hiện các cuộc kiểm toán định kỳ theo Kế hoạch hoạt động KTNB hàng năm đã được duyệt và các cuộc kiểm toán bất thường hoặc bất ngờ theo yêu cầu của HĐQT. Bảo đảm duy trì liên tục một cơ chế theo dõi thực hiện các hồi đáp theo các kiến nghị của kiểm toán đều được thực hiện trong khung thời gian phù hợp như đã thỏa thuận với ban quản lý và người điều hành doanh nghiệp có liên quan. Phối hợp với các hoạt động của kiểm toán theo yêu cầu của các chuẩn mực kiểm toán. Hỗ trợ HĐQT và TGD bằng cách thiết lập các chính sách đạo đức của Công ty và các thủ tục khiếu nại, tố cáo phù hợp;

d) Tuân thủ: Đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty (bao gồm cả chức năng pháp chế, các bộ phận kiểm tra tuân thủ tại các đơn vị, các kết quả các cuộc điều tra và việc theo dõi khắc phục (bao gồm cả các trường hợp kỷ luật) của người điều hành doanh nghiệp đối với bất kỳ trường hợp không tuân thủ. Thông báo kịp thời cho HĐQT biết về những trường hợp không tuân thủ để HĐQT có những biện pháp bảo vệ phù hợp, nếu cần thiết;

đ) Trách nhiệm báo cáo: Thường xuyên báo cáo với HĐQT về các hoạt động, các vấn đề và các kiến nghị liên quan của UBKT. Trách nhiệm báo cáo cụ thể được quy định chi tiết tại Quy chế UBKT;

e) Các trách nhiệm khác được quy định bởi pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế UBKT theo từng thời kỳ.

Điều 16. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 17. Quy chế Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm soạn thảo Quy chế Ủy ban kiểm toán trong đó bao gồm các quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động, quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán cùng các vấn đề khác để trình HĐQT xem xét và trình ĐHĐCĐ thông qua.

CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 18. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp phù hợp Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

3. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 19. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

a) HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm năm (05) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 20. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

Điều 22. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, UBKT VÀ TGD

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và UBKT

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với UBKT:

a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các thành viên UBKT một cách đồng thời;

b) Các nghị quyết của HĐQT được đồng thời gửi đến UBKT với thời điểm gửi đến TGD trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c) Khi UBKT đề xuất lựa chọn và bổ nhiệm công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d) Các nội dung khác cần lấy ý kiến của UBKT phải được gửi trong thời hạn quy định và UBKT có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của UBKT trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b) Trong các cuộc họp của UBKT, UBKT có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện công ty kiểm toán độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà thành viên UBKT quan tâm;

c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của UBKT phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, UBKT cần phải báo cáo thống nhất với HĐQT, TGD trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì UBKT được quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng UBKT có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d) Trường hợp UBKT phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, UBKT thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời UBKT có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì UBKT phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc.

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD

1. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

2. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban Điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.

3. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. HĐQT có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành.

5. HĐQT thực hiện giám sát thường xuyên công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.

6. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu TGD, người điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty mà được TGD đề xuất phải được HĐQT phân hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

8. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

Điều 25. Tiếp cận thông tin

1. Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, UBKT có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin và tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Việc tiết lộ các thông tin và tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo các quy định pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu được nêu trên bao gồm:

a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b) Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c) Báo cáo của TGD;

d) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh (bao gồm kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro) và các báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm cấp Công ty, cấp bộ phận kinh doanh, cấp đơn vị kinh doanh và cấp công ty con);

đ) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa UBKT và TGD

1. Trong các cuộc họp của UBKT, khi cần thiết, UBKT có quyền yêu cầu TGD, thành viên HĐQT có liên quan, và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên UBKT quan tâm.

2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của UBKT phải có kết luận bằng văn bản, không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho TGD để có thêm cơ sở giúp TGD trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, UBKT cần phải bàn bạc thống nhất với TGD trước khi báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường UBKT có trách nhiệm báo cáo với HĐQT.

a) Trường hợp UBKT phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của TGD, UBKT thông báo bằng văn bản với TGD trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời UBKT có trách nhiệm báo cáo với HĐQT, đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Thành viên UBKT có quyền yêu cầu TGD tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

c) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của UBKT phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ. UBKT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

d) Các nội dung khác cần lấy ý kiến của TGD: phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và TGD sẽ xem xét và phân hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc.

Điều 27. Phối hợp giữa TGD và HĐQT

1. TGD là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. TGD chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo cho các cơ quan này theo định kỳ và khi được yêu cầu.
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, TGD gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
4. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.

CHƯƠNG 8 - NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 28. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; và
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT (bao gồm cả yêu cầu của UBKT);
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp; Ghi chép các biên bản họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho các thành viên của HĐQT và UBKT;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HDQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HDQT có thể bổ nhiệm người trợ lý cho Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG 9 – ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 33. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HDQT, Thành viên các tiểu ban thuộc HDQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HDQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HDQT, Thành viên các tiểu ban thuộc HDQT, TGD và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HDQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được,...
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HDQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HDQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các thành viên các tiểu ban thuộc HDQT được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tiểu ban.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 34. Khen thưởng

1. HDQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 33 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HDQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HDQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HDQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHCĐ thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HDQT sẽ do ĐHCĐ quyết định.
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Ban Tổng giám đốc sẽ đề xuất HDQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHCĐ thông qua.

Điều 35. Kỷ luật

1. HDQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, thành viên các tiểu ban thuộc HĐQT, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, thành viên các tiểu ban thuộc HĐQT, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 36. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này sẽ do HĐQT xem xét và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 37. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 37 điều, được ĐHĐCĐ Bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần GKM Holdings nhất trí thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này và thay thế Quy chế Quản trị Công ty ban hành tháng 10 năm 20213

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG VIỆT LÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Hà Nam, tháng 10 năm 2023

Hà Nam, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHDCĐBT/GKM-2023 ngày 06 tháng 10 năm 2023;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần GKM Holdings;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần GKM Holdings bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng

cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa

vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt

động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành

viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ

phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần GKM Holdings bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG VIỆT LÊ

Số : 02/2023/TTr-DHĐCDBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, đổi tên Công ty, thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;

Hội đồng quản trị ("HDQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020 cho phép Công ty Cổ phần có quyền lựa chọn mô hình hoạt động có Ban Kiểm soát hoặc không có Ban Kiểm soát trong cơ cấu tổ chức và quản trị công ty.

Trên cơ sở quy định của Pháp luật và định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2023 – 2028, HDQT kính trình Đại hội thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp như sau:

Cơ cấu tổ chức quản lý hiện tại	Cơ cấu tổ chức quản lý đề nghị thay đổi
1. Đại hội đồng cổ đông;	1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;	2. Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và
3. Ban kiểm soát; và	
4. Tổng Giám đốc	3. Tổng Giám đốc

2. Thông qua việc đổi tên Công ty

Nhằm phù hợp định hướng phát triển mới của Công ty theo mô hình Holdings Company, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 xem xét thông qua việc thay đổi tên Công ty Cổ phần Khang Minh Group như sau:

Đổi tên Công ty Cổ phần Khang Minh Group thành tên mới như sau:

	Tên Công ty hiện tại	Tên Công ty đề nghị thay đổi
Tên công ty bằng tiếng Việt	Công ty Cổ phần Khang Minh Group	Công ty Cổ phần GKM Holdings
Tên công ty bằng tiếng Anh	Khang Minh Group Joint Stock Company	GKM Holdings Joint Stock Company
Tên viết tắt	GKM	GKM Holdings

3. Thông qua việc thay đổi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Căn cứ việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý và tái cấu trúc công ty theo mô hình Holdings, nhằm mục đích đảm bảo nhân sự chủ chốt đáp ứng hiệu quả với kế hoạch phát triển mới, HĐQT kính trình ĐHĐCD thông qua việc thay đổi nhiệm kỳ mới của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Nhiệm kỳ trước thay đổi	Nhiệm kỳ sau thay đổi
05 năm (2021 – 2026)	05 năm (2023 – 2028)

4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Căn cứ tình hình thực tế của sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi và bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty theo định hướng kế hoạch phát triển của mô hình Tập đoàn đã trình tại Đại hội (*chi tiết tại Điều lệ đính kèm*).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; giao cho người đại diện pháp luật tiến hành cập nhật, sửa đổi, ban hành Điều lệ Công ty để ghi nhận việc thay đổi tên Công ty. Sau khi đổi tên, Công ty sẽ hoạt động với tên mới là: **Công ty Cổ phần GKM Holdings** (*Tên viết tắt: GKM Holdings*)

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 được thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

5. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông qua việc ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (các Quy chế đính kèm).

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp tình hình hoạt động thực tế, Điều lệ Công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời gian giữa các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu HC;



Số : 03/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kinh trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.

Hội đồng quản trị ("HDQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

1. Danh mục ngành nghề trước điều chỉnh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	2395 (Chính)	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
2	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
3	2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
4	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
5	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
6	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
7	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

2. Danh mục ngành nghề sau bổ sung, điều chỉnh:

HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	6619 (Chính)*	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
4	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
6	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
7	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
8	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
9	2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
10	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
11	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
12	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hạt, quả có dầu;
13	46204	Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
14	4631	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì
15	46323	Bán buôn rau, quả
16	46101	Đại lý bán hàng hóa Chi tiết: Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng
17	46102	Môi giới mua bán hàng hóa Chi tiết: Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng
18	4690	Bán buôn tổng hợp Nhóm này gồm: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng hóa nào.
19	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mì, bột mì, ngô. Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh

Ghi chú: () các mã ngành bổ sung mới, điều chỉnh được in chữ đậm trong bảng Danh mục này.*

3. Ủy quyền và tổ chức thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện triển khai các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan với Sở Kế hoạch và Đầu tư để hoàn thành việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và mọi vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- DHCĐ;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu VT,



Số : 04/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty con

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group ("Công ty");
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện nay Công ty đang hoạt động chính trong lĩnh vực Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Để định hướng hoạt động Công ty phát triển theo mô hình Tập đoàn, trở thành một định chế đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án thoái vốn tại các công ty con, quyết định thời điểm triển khai thực hiện trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật hiện hành.

Sau khi hoàn thành thoái vốn tại các công ty con, HĐQT sẽ báo cáo về kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Việt Lê

Số : 05/2023/TTr-ĐHĐCDBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương mở rộng ngành nghề, phạm vi đầu tư
để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.

1. Thông qua chủ trương đầu tư

Chiều ngày 10/9/2023, Việt Nam và Mỹ đã nhất trí nâng cấp quan hệ hai nước lên Đối tác chiến lược toàn diện mở ra cơ hội phát triển trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là các hoạt động liên quan đến xuất khẩu nông sản, năng lượng sạch và các cụm công nghiệp phục vụ việc mở rộng nhà máy tại Việt Nam. Do đó, HĐQT đã tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu và làm việc với các đối tác trong các lĩnh vực này.

Hiện nay Công ty đang hoạt động chính trong lĩnh vực Sản xuất và thương mại Vật liệu xây dựng. Để định hướng hoạt động Công ty phát triển theo mô hình Tập đoàn, trở thành một định chế đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế. Đồng thời, đón được xu thế đầu tư phát triển trong giai đoạn mới. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương đầu tư vào một số Công ty, lĩnh vực như sau:

STT	Hoạt động đầu tư	Nhu cầu vốn	Hình thức đầu tư
1	Thương mại, sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng nông sản (đặc biệt là gạo)	Tối thiểu 300 tỷ đồng	Trực tiếp và/hoặc mua lại các công ty sở hữu Nhà máy sản xuất đạt yêu cầu
2	Xây dựng, vận hành các Khu công nghiệp, Cụm Công nghiệp	Tối thiểu 100 tỷ đồng	Mua lại cổ phần/hợp tác đầu tư với các đơn vị đang sở



STT	Hoạt động đầu tư	Nhu cầu vốn	Hình thức đầu tư
			hữu các dự án đã đầy đủ pháp lý
3	Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	Tối thiểu 100 tỷ đồng	Mua lại cổ phần/hợp tác đầu tư với các đơn vị đang sở hữu các dự án đã đầy đủ pháp lý

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng chi tiết Phương án đầu tư thực hiện dự án căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quyết định triển khai dự án đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Quyết định lựa chọn Đối tác, Nhà cung cấp, các đơn vị khác có liên quan và ký kết hợp đồng với các đơn vị trên để thực hiện dự án đầu tư.
- Quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án cho phù hợp với tình hình thực hiện thực tế (nếu có).
- Quyết định cơ cấu nguồn vốn sử dụng thực hiện dự án, cân đối nguồn vốn phát hành, vốn vay và các nguồn vốn khác nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả của dự án đầu tư; ký kết hợp đồng vay vốn với các tổ chức tín dụng huy động vốn thực hiện dự án;
- Phê duyệt những hạng mục đầu tư nằm trong phạm vi các hoạt động nêu trên có giá trị trên 35% tổng tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Kính trình;
- Lưu VT.



**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Lê



Số : 06/2023/TT-ĐHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các Hợp đồng kinh tế có giá trị lớn và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group (“Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để thuận lợi trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng phát triển mô hình Tập đoàn, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT các nội dung sau:

1. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT ký kết các hợp đồng giao dịch

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, phê duyệt chủ trương và triển khai ký kết các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất.

2. Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty

2.1 Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật (“Các giao dịch liên quan”), bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty:

- a. Các giao dịch mua bán hàng hóa;
- b. Các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác cho dù đã được đăng ký bảo hộ hay chưa;
- c. Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên;
- d. Các giao dịch khác theo quyết định của HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty tùy từng thời điểm.

2.2 Người có liên quan:

Theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

2.3 Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty và/hoặc người được Chủ



tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:

- 2.3.1 Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các giao dịch liên quan (nếu có);
 - 2.3.2 Ký kết và thực hiện Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các giao dịch liên quan (nếu có).
3. **Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, thông qua việc thực hiện các giao dịch tài chính giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức liên quan.**

Để tạo sự chủ động, linh hoạt cho HĐQT trong việc quản lý, hoạch định chính sách và thực thi kế hoạch tài chính của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch tài chính (cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh) của Công ty cho các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. **Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật). Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHĐCĐ và thực hiện báo cáo kết quả tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Việt Lê

Số: 07/2023/TTr-DHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khang Minh Group

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;

Căn cứ tờ trình số 05/2023/TTr-BKS-KM của Ban Kiểm soát đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị ("HDQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bổ sung danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, danh sách này là các đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho các đơn vị có lợi ích công chúng (có Phụ lục đính kèm tờ trình này), tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho HDQT lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 và có thể linh hoạt thay thế, điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế trong năm, danh sách công ty kiểm toán do Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Kính trình;
- Lưu HC;

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Việt Lê

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN

(Đính kèm Tờ trình số 09 /2023/TTr-ĐHDCDBT/GKM tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023)

STT	TÊN CÔNG TY
1	CÔNG TY TNHH KPMG (KPMG)
2	CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (E&Y)
3	CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (DELOITTE)
4	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C (A&C)
5	CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC (AASC)
6	CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) (PWC)
7	CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM) (GT)
8	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC (AAC)
9	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM (AFC)
10	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC (AISC)
11	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY)
12	CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM (PKF)
13	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT (SVC)
14	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM (RSM)
15	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO (VACO)
16	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT (AN VIỆT)
17	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO (BDO)
18	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC (FAC)
19	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)
20	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA VIỆT NAM)
21	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (ICPA)
22	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM (DFK)
23	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
24	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (CHUẨN VIỆT)
25	CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO (ASCO)
26	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
27	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP (TTP)
28	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)
29	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẢN TÂM VIỆT (NVT)
30	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - KIỂM TOÁN S&S (S&S)



Số: 08/2023/TT-ĐHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: *Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty*

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.

Với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính và vị thế cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng ngành, đồng thời tiếp tục củng cố nội lực tạo ra nhân tố đột phá nhằm đưa tốc độ tăng trưởng lên cao trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khang Minh Group kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua "**Phương án chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**". Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán này sẽ là sự bổ sung cần thiết để triển khai các hoạt động kinh doanh mới, phù hợp với định hướng phát triển giai đoạn 2023 – 2028 của Công ty.

1. Thông tin chung về đợt chào bán như sau:

- Số lượng cổ phần chào bán: 25.717.118 cổ phần, tương đương 257.171.180.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Tổng số cổ phần hiện có: 81,81%.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 571.513.550.000 đồng.
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời gian dự kiến phát hành: Phát hành trong năm 2023.
- Hình thức phát hành:
 - + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, và
 - + Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Thứ tự đợt phát hành: Thực hiện đợt Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi đã hoàn tất Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.



2. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

2.1. Mục đích

Tăng quy mô vốn chủ sở hữu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đầu tư, mở rộng ngành nghề hoạt động của Công ty.

2.2. Phương án sử dụng vốn

Tổng số tiền dự kiến thu được từ các đợt chào bán như sau:

STT	Phương án phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá chào bán (đồng)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
1	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	15.717.118	10.000	157.171.180.000
2	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	10.000.000	13.500	135.000.000.000
Tổng cộng				292.171.180.000

Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty	173.771.270.000	Năm 2023 – 2024 Sau khi hoàn thành đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế.
2	Đầu tư nhà máy sản xuất gạo Bình Thành	58.399.910.000	
3	Đầu tư dự án Điện sinh khối	60.000.000.000	
Tổng		292.171.180.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, điều chỉnh/sửa đổi phương án sử dụng vốn và phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Công ty và tuân thủ theo pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp số lượng vốn huy động từ cổ đông không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ phân bổ sử dụng vốn theo thứ tự ưu tiên như bảng trên hoặc huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp như vay thêm vốn Ngân hàng hoặc nguồn khác để đảm bảo yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2023 – 2024.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị Công ty có thể linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán; bổ sung, sửa đổi và xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết nếu thấy cần thiết. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất với những điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.

(Chi tiết phương án phát hành được đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- NHC Kính trình;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG VIỆT LÊ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong,
Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 32002988 . Số fax: 024 22207181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>



Hà Nam, tháng 09 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT CHÀO BÁN

Phương án chào bán cổ phiếu này được trình tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. Phương án này được xây dựng căn cứ vào:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Nay xây dựng phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

I. Phương án chào bán

- 1 Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khang Minh Group
- 2 Mã chứng khoán : GKM
- 3 Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
- 4 Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- 5 Số lượng cổ phiếu hiện : 31.434.237 cổ phiếu đang lưu hành
- 6 Vốn điều lệ trước khi chào bán : 314.342.370.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).
- 7 Số lượng cổ phiếu dự kiến : 15.717.118 cổ phiếu chào bán tối đa
- 8 Tổng giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến tối đa theo mệnh giá : 157.171.180.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy tỷ một trăm bảy mươi một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)
- 9 Mức tăng vốn điều lệ dự kiến : 157.171.180.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy tỷ một trăm bảy mươi một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)
- 10 Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoán thành chào bán cho cổ đông hiện hữu : 471.513.550.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chử Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

- 11 Tỷ lệ chào bán : 2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới).
- 12 Hình thức chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.
- 13 Đối tượng chào bán : Tất cả cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu.
- 14 Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ vào tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, thị giá và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, mức giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 15 Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 16 Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) : Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Toàn bộ số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác. ĐHCĐ ủy quyền HĐQT quyết định mức giá và các điều kiện chào bán; đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tiêu chí lựa chọn các Nhà đầu tư để chào bán số cổ phần còn lại chưa phân phối hết, đồng thời tìm kiếm và lựa chọn các Nhà đầu tư này.
Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- 17 Điều kiện chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) được phân phối tiếp cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày

kết thúc đợt chào bán.

- 18 Chuyển nhượng quyền : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh mua cổ phiếu chào bán thêm sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần, bên nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- 19 Thời gian chào bán dự kiến : Dự kiến trong năm 2023. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ công bố thời gian chào bán cụ thể sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty.
- 20 Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- 21 Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu Căn cứ quy định khoản b Điều 12 Nghị định 155/2020/NĐ-CP "...tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án".
Trường hợp Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thực hiện xử lý cổ phiếu còn dư mà đợt chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu (70%), Công ty sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về việc đợt chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và thực hiện hủy bỏ đợt chào bán.
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền đặt mua cổ phiếu cho nhà đầu tư đã nộp tiền mua.
- 22 Phương án huy động vốn trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán và thời gian gia hạn (nếu có) mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn sử dụng nguồn vốn khác như vay ngân hàng, và/hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ và/hoặc các giải pháp khác đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của nội bộ Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.
23. Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể gây ra rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

giá cổ phiếu; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iv) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, cụ thể như sau:

(i) *Pha loãng giá cổ phiếu:*

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ gây ảnh hưởng kỹ thuật đến giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường.

Công thức giá cổ phiếu sau khi điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá tham chiếu của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu

(ii) *Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)*

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập ròng trên một cổ phiếu sẽ bị thay đổi theo hướng giảm xuống do số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên trong khi tăng trưởng lợi nhuận sẽ có độ trễ nhất định.

(iii) *Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách*

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu sau khi pha loãng} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Tổng số cổ phiếu sau khi chào bán}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể giảm trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

Tuy nhiên, EPS và giá trị sổ sách trên một cổ phần điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời. Bởi với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới kỳ vọng sẽ đạt được những hiệu quả nhất định, tạo đà tăng trưởng đáng kể trong những năm tiếp theo.

(iv) *Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết*

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

1. Mục đích

Tăng quy mô vốn chủ sở hữu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đầu tư mở rộng ngành nghề hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

2. Phương án sử dụng vốn

Giá định tại thời điểm HĐQT triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số vốn điều lệ của Công ty là 314.342.370.000 đồng, với tỷ lệ chào bán 2:1 và giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu thì số tiền thu được dự kiến là 157.171.180.000 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty	98.771.270.000	Năm 2023 – 2024
2	Đầu tư nhà máy sản xuất gạo Bình Thành	58.399.910.000	Sau khi hoàn thành đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế
Tổng		157.171.180.000	

Trong trường hợp chào bán không đủ số tiền dự kiến, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thứ tự mục đích sử dụng vốn ưu tiên của đợt chào bán cho các hạng mục đã trình bày tại bảng trên theo nguyên tắc sử dụng hết vốn huy động được cho hạng mục đó, số vốn còn lại mới dùng cho hạng mục tiếp theo cho đến khi hết số vốn huy động được. Đồng thời ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh và/ hoặc quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và thời gian giải ngân.

III. Niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm sẽ được Công ty thực hiện lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định.

IV. Ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2023, cụ thể:

a) Quyết định số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở số cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chào bán để đảm bảo tỷ lệ chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 2:1. Chi tiết mục đích sử dụng vốn theo ĐHCĐ đã thông qua, phù hợp với quy định hiện hành.

b) Triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2023:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai phương án chào bán để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

nước ngoài.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép chào bán cổ phiếu theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện đúng pháp luật hiện hành.

- Quyết định sử lý số lượng cổ phiếu đối với nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, dôi dư trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác đáp ứng các điều kiện tại 42 Nghị định 155/2020ND-CP với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông.

- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho công ty, tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

c) Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết chứng khoán bổ sung số cổ phiếu chào bán thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt chào bán theo quy định

d) Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ Công ty liên quan đến nội dung thay đổi số lượng cổ phần, số vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán theo kết quả thực tế của đợt chào bán và sẽ báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

e) Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến nội dung thay đổi số lượng cổ phần, vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt chào bán với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam sau khi hoàn tất đợt chào bán.

f) Ngoài những nội dung ủy quyền nêu trên, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình thực tế tuân thủ Pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG VIỆT LÊ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong,
Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 32002988 Số fax: 024 22207181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

Hà Nam, tháng 09 năm 2023





CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT CHÀO BÁN

Phương án chào bán cổ phiếu này được trình tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. Phương án này được xây dựng căn cứ vào:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Nay xây dựng phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP

I. Phương án chào bán

- 1 Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khang Minh Group
- 2 Mã chứng khoán : GKM
- 3 Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
- 4 Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- 5 Số lượng cổ phiếu hiện : 31.434.237 cổ phiếu đang lưu hành
- 6 Vốn điều lệ trước khi chào bán : 314.342.370.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)
- 7 Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa : 10.000.000 cổ phiếu
- 8 Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa theo mệnh giá : 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn)
- 9 Mức tăng vốn điều lệ dự kiến : 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn)



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

- 10 Vốn điều lệ dự kiến sau : 414.342.370.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*)
khi hoàn thành chào bán riêng lẻ
- 11 Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- 12 Giá chào bán : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 13.500 đồng/cổ phiếu.
- 13 Đối tượng chào bán : Các cá nhân/tổ chức là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có quan hệ hợp tác kinh doanh, đóng góp vào quá trình hoạt động, phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua và trong tương lai.
- 14 Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán : + Là các cá nhân, tổ chức có tiềm lực về tài chính vững mạnh, có nhiều kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán; và/hoặc
+ Là các cá nhân, tổ chức có quan hệ hợp tác kinh doanh, đóng góp vào quá trình hoạt động, phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua hoặc trong tương lai.
Nhà đầu tư phải đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật Chứng khoán.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, điều chỉnh tiêu chí cho phù hợp với tình hình thực tế; chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua danh sách, số lượng nhà đầu tư được tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ; quyết định số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư.
- 15 Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có) : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ra quyết định chào bán số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho các đối tượng khác theo các điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các Nhà đầu tư tại phương án này sau khi đã được ĐHCĐ thông qua và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
- 16 Điều kiện chuyển nhượng : Số lượng cổ phiếu chào bán bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc pháp luật có quy định khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

- 17 Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong năm 2023. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ công bố thời gian chào bán cụ thể sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

18. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ có thể gây ra rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng giá cổ phiếu; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iv) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, cụ thể như sau:

(i) Pha loãng giá cổ phiếu

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ không ảnh hưởng kỹ thuật đến giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường. Đồng thời, việc cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng ít nhất 01 năm kể từ thời điểm hoàn tất chào bán nên áp lực từ nguồn cung ra thị trường thấp, do đó ít gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu lưu hành.

(ii) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập ròng trên một cổ phiếu sẽ bị thay đổi theo hướng giảm xuống do số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên trong khi tăng trưởng lợi nhuận sẽ có độ trễ nhất định.

(iii) Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu sau khi pha loãng} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Tổng số cổ phiếu sau khi chào bán}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể giảm trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

Tuy nhiên, EPS và giá trị sổ sách trên một cổ phần điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời. Bởi với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới kỳ vọng sẽ đạt được những hiệu quả nhất định, tạo đà tăng trưởng đáng kể trong những năm tiếp theo.

(iv) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho các đối tượng không phải là cổ đông hiện hữu cũng làm giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ phát hành thêm.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

1. Mục đích chào bán

Đầu tư mua sắm nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

2. Phương án sử dụng vốn trong trường hợp chào bán riêng lẻ thành công với giá 13.500 đồng/cổ phiếu

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh gạo	75.000.000.000	Năm 2023 – 2024 Sau khi hoàn thành đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế.
2	Mua cổ phần Công ty điện sinh khối	60.000.000.000	
Tổng		135.000.000.000	

Trong trường hợp chào bán không đủ số tiền dự kiến, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thứ tự mục đích sử dụng vốn ưu tiên của đợt chào bán cho các hạng mục đã trình bày tại bảng trên theo nguyên tắc sử dụng hết vốn huy động được cho hạng mục đó, số vốn còn lại mới dùng cho hạng mục tiếp theo cho đến khi hết số vốn huy động được. Đồng thời ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh và/ hoặc quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và thời gian giải ngân.

III. Niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm sẽ được Công ty thực hiện lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định.

IV. Ủy quyền

Ngoài các nội dung được ủy quyền riêng biệt nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Thực hiện các công việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ:
 - Chủ động lập và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán riêng lẻ gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai việc chào bán sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
 - Xây dựng, điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ của doanh nghiệp.
 - Xây dựng phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Triển khai các thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phần phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
 - Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án phát hành hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- b) Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3200 2988 Số fax: 024 2220 7181

Website: <http://www.khangminhgroup.com/>

trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt chào bán.

c) Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt chào bán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Quyết định sử dụng phần vốn thặng dư thu được từ đợt chào bán trong trường hợp cổ phiếu chào bán cao hơn mệnh giá.

e) Toàn quyền thực hiện các công việc khác có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG VIỆT LÊ

Số: 09/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM

Hà Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc giải thể Ban kiểm soát và miễn nhiệm Hội đồng quản trị đương nhiệm

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Căn cứ tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐ/GKM ngày 18/09/2023 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ phần Khang Minh Group, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc giải thể Ban kiểm soát:

Căn cứ tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM ngày 18/09/2023 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc giải thể Ban kiểm soát là các cá nhân có tên dưới đây kể từ ngày 06/10/2023:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà Cao Thị Thương - Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên Ban Kiểm soát

II. Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đương nhiệm

Nhằm mục đích đảm bảo đội ngũ nhân sự chủ chốt đáp ứng sự chuyển đổi phát triển mới theo mô hình Tập đoàn, HĐQT kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT đương nhiệm là các cá nhân có tên dưới đây kể từ ngày 06/10/2023:

1. Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Hưng Dũng - Thành viên HĐQT không điều hành
3. Ông Nguyễn Việt Hà - Thành viên HĐQT không điều hành
4. Ông Phạm Nghiêm Việt Dũng - Thành viên HĐQT độc lập
5. Ông Hoàng Văn Hải - Thành viên HĐQT

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Kính trình;
- Lưu HC;

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Việt Lê

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028
và danh sách ứng cử

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty;
- Căn cứ tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐBT/GKM ngày 18/09/2023 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty

1. Căn cứ theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo việc quản trị điều hành, HĐQT đề xuất bầu cử 05 (năm) thành viên HĐQT, trong đó có 01 (một) thành viên HĐQT độc lập. Sau khi bầu bổ sung, tổng số thành viên HĐQT Công ty là 05 (năm) thành viên.
2. Thông qua nội dung Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Nội dung Quy chế được đính kèm tờ trình này).

II. Thông qua Danh sách ứng cử viên

Căn cứ theo các đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông Công ty, danh sách ứng cử viên đủ tiêu chuẩn để được bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 bao gồm:

STT	Tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty
Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị (theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt)		
1	Nguyễn Công Duy	Không có
2	Đỗ Minh Đức	Không có
3	Hoàng Văn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị
4	Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng Quản trị



STT	Tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty
5	Nguyễn Hữu Phú	Không có

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu HC;

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dặng Việt Lê



Hà Nam, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(NHIỆM KỲ 2023 - 2028)
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi là Công ty) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”) nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo các nội dung dưới đây:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

- Quy chế này hướng dẫn trình tự và thủ tục ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.
- Các ứng viên tham gia ứng cử bầu vào thành viên HDQT có trách nhiệm thực hiện các nội dung của Quy định này.
- Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 07/09/2023 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập, có quyền bỏ phiếu bầu thành viên HDQT của Công ty Cổ phần Khang Minh Group.

II. QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Nhiệm kỳ 2023 - 2028)

Điều 1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên HDQT

- Số lượng thành viên HDQT bầu: 05 người. Trong đó, số lượng thành viên HDQT độc lập: 01 người;
- Nhiệm kỳ thành viên HDQT: 2023 - 2028
- Số lượng ứng cử thành viên HDQT: không hạn chế

Điều 2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

a) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HDQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT theo Điều lệ của Công ty cổ phần Khang Minh Group được quyền ứng cử, đề cử trước 03 ngày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
- Theo quy định tại Điều 12 Chương VI Điều lệ CTCP Khang Minh Group (năm 2023) và Luật Doanh nghiệp năm 2020, các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và

được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành để cử theo quy định của pháp luật (ứng viên được Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm phải đủ tiêu chuẩn tại Điều 2 Phần của II Quy chế này).

Điều 4. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Phiếu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu số 01);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên HĐQT (theo mẫu số 02);
- Bản sao công chứng các giấy tờ của ứng cử viên: Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, chứng nhận trình độ chuyên môn và trình độ văn hóa nếu có.
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 (Ngày Đăng ký cuối cùng: 07/09/2023).
- Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT (theo mẫu số 03), (Nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông để đề cử ứng cử viên).
- Hồ sơ liên quan khác (nếu có)

Chỉ những Hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện ứng cử/đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức trình tại Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty Cổ phần Khang Minh Group để tiến hành bầu cử.

Người ứng cử/đề cử thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội Đồng Cổ Đông về tính trung thực và chính xác của nội dung Hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT phải được gửi về trụ sở Công ty trước 16h00 ngày 02/10/2023 theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức ĐHDCĐ Bất thường năm 2023 - Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Địa chỉ nhận thư: Sh19 (số 41) Mạc Thái Tổ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Căn cứ theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín.
- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (x) với số thành viên được bầu.
- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông trong phiếu bầu cử.

Điều 6. Phiếu bầu và cách thức ghi phiếu bầu

- Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát một (01) Phiếu bầu thành viên HĐQT theo mã số cổ đông đăng ký tham dự.

- Các Phiếu bầu được đóng dấu treo của Công ty, trên mỗi phiếu bầu có tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền, tổng số quyền biểu quyết tối đa được tính theo nguyên tắc dồn phiếu. Khi cổ đông/đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra thông tin về mã số và số cổ phần, số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.
- Cổ đông/đại diện ủy quyền phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu bầu.
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;

Điều 7. Phiếu bầu hợp lệ

a) Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty, được viết bằng bút mực, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

b) Về nội dung:

- Cổ đông, đại diện ủy quyền phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu.
- Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông trong phiếu bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.
- Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử
 - + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu
 - + Tổ chức kiểm phiếu
 - + Lập Biên bản và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội
- Ban Kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực và tính bảo mật trong quá trình kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm trước Đại hội về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó niêm phong phiếu bầu cử, bàn giao dữ liệu liên quan đến bầu cử cho Chủ tọa Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi đã chốt danh sách ứng viên và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

3. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT cần bầu.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % tổng số quyền biểu quyết tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu trống, số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên HĐQT.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

- Những khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Khang Minh Group được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 tổ chức vào ngày 06 tháng 10 năm 2023.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban tổ chức Đại hội;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Việt Lê